

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH VINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 19 - 6 - 2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VINH – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đỗ Thị Thủy**

Ông Phan Đình Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân – gia đình sơ thẩm thụ lý số: 93/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4 thị trấn K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2022, bản tự khai ngày 15/11/2022 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị V kết hôn năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn

B, xã S, huyện K và có 01 con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/3/2012. Quá trình chung sống giữa ông và bà V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau về mọi mặt, bà V vướng vào các tệ nạn lô đề, bài bạc, thiếu trách nhiệm với gia đình. Ông đã nhiều lần bỏ qua, khuyên can cho bà V cơ hội sửa chữa thiếu sót nhưng bà vẫn chứng nào tật đó không chịu sửa đổi. Từ những mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên ông chuyển về sống cùng gia đình tại thị trấn K, hai vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Nay không thể kéo dài tình trạng hôn nhân này nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị V. Về con chung, sau khi ly hôn ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp bà V không đồng ý giao con cho ông nuôi thì ông đồng ý giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ để bà V nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc S khai không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc S về thời điểm kết hôn và con chung. Bà khai quá trình chung sống mỗi quan hệ giữa hai vợ chồng bình thường nhưng không hiểu sao được một thời gian thì ông S chuyển về sống cùng gia đình tại thị trấn K. Nay ông Nguyễn Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà, bà không đồng ý vì bà cho rằng giữa bà và ông S không có mâu thuẫn gì. Về con chung: Bà V trình bày trong trường hợp tòa giải quyết cho ông S ly hôn với bà thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/3/2012 đến tuổi trưởng thành. Bà yêu cầu ông S cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ để bà nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do đó tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà V là đúng theo quy định của pháp luật

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung

Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/3/2012 cho bị đơn bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Nguyễn Ngọc S có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ để bà V nuôi con; Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc S khai không có, bà Nguyễn Thị V khai không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc S khai không có, bà Nguyễn Thị V khai không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị V kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S và đã được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012, ngày 13/3/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà V là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa ông S và bà V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tranh cãi, ông S cho rằng lý do mâu thuẫn do bà V thiếu trách nhiệm với gia đình, tham gia vào các tệ nạn lô đề, cờ bạc. Mặc dù ông đã đã nhiều lần bỏ qua cho bà V cơ hội sửa chữa sai lầm để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con nhưng bà V vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bà V không đồng ý ly hôn với lý do giữa bà và ông S không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, sau khi ông S làm đơn ra tòa yêu cầu ly hôn, quá trình giải quyết vụ án tuy bà không đồng ý ly hôn nhưng bản thân bà cũng không có hướng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được, bà và ông S vẫn không sống chung. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, việc chăm sóc, quan tâm lẫn nhau không còn, do đó mâu thuẫn giữa ông S và bà V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Thực tế hai ông bà cũng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Vì vậy có duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc S đối với bà Nguyễn Thị V.

[2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị V có 01 con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/3/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp bà V không đồng ý với nguyện vọng của ông thì ông đồng ý giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ để bà V nuôi con. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà Nguyễn Thị V không đồng ý với ý kiến của ông S, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông S cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ để bà nuôi con. Xét thấy, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển tốt cả về tinh thần lẫn thể chất. Con chung của ông S và bà V hiện đang sống ổn định cùng bà V kể từ khi ông bà không còn sống chung cho đến nay. Mặc dù cháu T có nguyện vọng xin được ở với bố là ông Nguyễn Ngọc S nhưng không có ý kiến hay tài liệu nào thể hiện cháu sống cùng mẹ không được đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng hay bị ngược đãi. Điều này cũng phù hợp với ý kiến của ông S về việc nếu bà V vẫn yêu cầu tiếp tục nuôi con chung thì ông đồng ý, không tranh chấp. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/3/2012 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Ngọc S đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ để bà V nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị V yêu cầu ông S mỗi tháng cấp dưỡng 2.000.000đ để bà nuôi con. HĐXX xét thấy, theo quy định tại Điều 71 Luật hôn nhân gia đình quy định cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.... Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng được quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân gia đình: Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người giám hộ của người được cấp dưỡng thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết và phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng....Theo các tài liệu do nguyên đơn giao nộp chứng minh thu nhập hiện tại, HĐXX xét thấy, mức thu nhập của ông Nguyễn Ngọc S phù hợp với mức cấp dưỡng ông đưa ra để cấp dưỡng nuôi con, phù hợp nhu cầu thiết yếu của con chung ông S và bà V tại địa bàn đang cư trú. Bà Nguyễn Thị V yêu cầu ông S cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ nhưng bà không cung cấp tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình phù hợp với nhu cầu nuôi con. Do đó, cần chấp nhận mức cấp dưỡng do ông Nguyễn Ngọc S đưa ra mỗi tháng 1.500.000đ để bà V nuôi con đến tuổi trưởng

thành. Trong quá trình nuôi con nếu gặp khó khăn bà V có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Ngọc S khai không có, bà Nguyễn Thị V không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Ngọc S khai không có, bà Nguyễn Thị V không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Ngọc S được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

2. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/3/2012 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Mỗi tháng ông Nguyễn Ngọc S có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000đ để bà Nguyễn Thị V nuôi con chung đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn vì quyền lợi của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Ngọc S khai không có, bà Nguyễn Thị V không yêu cầu nên HĐXX không xét.

4. *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Ngọc S khai không có, bà Nguyễn Thị V không yêu cầu nên HĐXX không xét.

5. *Về án phí*: Ông Nguyễn Ngọc S phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng ông S phải nộp 600.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tại biên lai số AA/2021/0005921 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khánh Vĩnh. Ông Nguyễn Ngọc S còn phải tiếp tục nộp 300.000đ án phí.

Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- Chi cục THADS huyện Khánh Vĩnh;
- UBND xã Sơn Thái (Giấy CNKH số 22/2012, ngày 13/3/2012);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hiền